

Số: 351/2021/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật
Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án
phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 436/2021/TLST-VHNGĐ ngày 12
tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham
gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Nguyễn Sỹ H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 201/4, khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai.

+ Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị T thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị T thuận tình ly
hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị
T.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 09/5/2017 cho bà T chăm sóc, nuôi
dưỡng. Hàng tháng ông H phải cấp dưỡng cho cháu H 1.000.000đ/tháng (một triệu
đồng/tháng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu H đủ 18
tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, ông H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,
giáo dục con chung. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con
mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được
quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị

T.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 09/5/2017 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng ông H phải cấp dưỡng cho cháu H 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, ông H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000293 ngày 08/03/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí ông Nguyễn Sỹ H và bà Phạm Thị T đã nộp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hương